TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53** /2022/DS-ST
Ngày: 14 - 7 - 2022
V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ngô Thái Hùng

Ông Võ Minh Quang;

- ***Thư ký phiên Tòa****:* Ông Phạm Long Hồ – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên toà:* Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 07 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2021/TLST – DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 06 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2022/QĐST- DS ngày 24/06/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Bà Mai Thị Ánh L,** sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp Chợ, xã Thới Lai, huyện B, tỉnh E.

Bà Mai Thị Anh L ủy quyền cho những người tham gia tố tụng như sau:

- Bà Đinh Thị M sinh năm 1972, Địa chỉ: 65B7, tổ 6, khu phố 4, phường P , Tp E, tỉnh E.

- Ông Lê Minh T 1995, Địa chỉ: 30/1 ấp Quí Đức A, xã A, huyện P, tỉnh E.

2. *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị X,** sinh năm 1958 (xin vắng).

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh E.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hồ Văn D1, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh E (Vắng mặt).

NỘI D1NG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16/06/2021, bản tự khai ngày 04/03/2022, đơn xin xét xử vắng mặt và những lời khai tiếp theo nguyên đơn Bà Mai Thị Ánh L ủy quyền cho bà Đinh Thị M, ông Lê Minh T trình bày:*

Năm 2019 bà L có làm chủ 02 dây hụi trong đó bà Nguyễn Thị X là hụi viên. Cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Khui ngày 05/03/2019 âm lịch, mệnh giá hụi là 2.000.000 đồng. Hụi gồm 54 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 05 và 20 hàng tháng. Bà X chơi một phần, vào ngày 20/04/2020 âm lịch bà X bỏ hụi và hốt hụi. Sau khi hốt hụi bà X không đóng nữa. Bà phải choàng hụi là 28 kỳ cho đến khi hụi này mãn là ngày 20/04/20121 âm lịch. Số tiền bà X nợ bà 28 kỳ là 28x2.000.000đ = 56.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Khui ngày 12/02/2019 âm lịch, mệnh giá hụi là 2.000.000 đồng. Hụi gồm 54 phần, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 12 và 27 hàng tháng. Bà X chơi 02 phần, bà X bỏ hụi và hốt hụi hết hai phần. Sau khi hốt hụi bà X đóng hụi đến kỳ khui thứ 28 thì ngưng không đóng nữa. Bà phải choàng hụi cho bà X là 26 kỳ cho đến khi hụi này mãn là ngày 27/03/20121 âm lịch. Số tiền bà X nợ bà 26 kỳ là 26 kỳ x 2phần x 2.000.000đ = 104.000.000 đồng.

Tổng cộng hai dây hụi bà X còn nợ bà 160.000.00đồng nhưng sau đó bà X có trả cho bà L 1.000.000 đồng, bà X còn nợ lại bà L 159.000.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu). Nay bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị X cùng ông Hồ Văn D1 phải trả lại bà L là 159.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2022 bị đơn Bà Nguyễn Thị X trình bày:*

Bà thừa nhận còn nợ bà L số tiền hụi 159.000.000 đồng. Bà chơi 02 dây hụi do bà L làm chủ hụi và mục đích của việc chơi hụi là trang trải cuộc sống chung gia đình. Dây thứ nhất khui ngày 05/03/2019 âm lịch mệnh 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 05 và 20 hàng tháng, bà đã hốt hụi và còn nợ hụi chết bà L là 28 kỳ với số tiền là 56.000.000 đồng. Dây thứ hai khui ngày 12/02/2019 âm lịch mệnh 2.000.000 đồng, mỗi tháng khui 02 lần vào ngày 05 và 20 hàng tháng, bà chơi hai phần, bà đã hốt hụi và còn nợ hụi chết bà L là 226 kỳ với số tiền là 104.000.000 đồng. Tổng cộng hai dây hụi bà còn nợ bà L 160.000.00đồng nhưng sau đó bà có trả cho bà L 1.000.000 đồng, bà còn nợ lại bà L 159.000.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu). Nay bà L yêu cầu bà phải trả lại 159.000.000đồng bà đồng ý nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng,

* Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông ông Hồ Văn D1 nhưng Hồ Văn D1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông Hồ Văn D1.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn D1 vi phạm nghĩa vụ theo Điều 70,73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm phán về thời hạn tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự không ảnh hưởng đến nội D1ng giải quyết vụ án nên đề nghị khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2005; Căn cứ Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Thị Ánh L đối với bà Nguyễn Thị X, ông Hồ Văn D1. Buộc bà Nguyễn Thị X, ông Hồ Văn D1 phải trả cho bà Mai Thị Ánh L số tiền 159.000.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu đồng). Ghi nhận bà Mai Thị Ánh L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1]. Bị đơn Bà Nguyễn Thị X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà X là phù hợp quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Văn D1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng ông Hồ Văn D1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông D1 là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Mai Thị Ánh L khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị X, ông Hồ Văn D1 trả cho chị số tiền nợ hụi là 159.000.000đồng. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội D1ng:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Mai Thị Ánh L yêu cầu Bà Nguyễn Thị X, ông Hồ Văn D1 phải trả số tiền nợ hụi là 159.000.000 đồng. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Bà X thừa nhận còn nợ tiền hụi bà L 159.000.000 đồng. Lời thừa nhận này là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó có cơ sở xác định giữa bà L và bà X có quan hệ giao dịch về hụi. Bà L là chủ

hụi và bà X là hụi viên. Trong quá trình chơi, bà L đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chủ hụi, nhưng đến kỳ mở hụi thì X không thực hiện hoàn thành nghĩa vụ của hụi viên là vi phạm quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Vì Vậy yêu cầu khởi kiện của bà L đối bà X là phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm liên đới: Bà Nguyễn Thị X trình bày bà và ông Hồ Văn D1 chung sống từ năm 1980 cho đến nay nên bà X và ông D1 là hôn nhân thực tế. Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 29/4/2022 bà X trình bày mục đích của việc chơi hụi là trang trải cuộc sống chung gia đình. Vì số nợ trên phát sinh trong thời gian vợ chồng ông D1, bà X còn sống chung, nên khi phát sinh nợ ông D1 cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng bà X trả nợ cho bà L là đúng quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Như vậy buộc bà Nguyễn Thị X, ông Hồ văn D1 phải liên đới trả cho bà Mai Thị Ánh L số tiền 159.000.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu đồng).

Ghi nhận bà Mai Thị Ánh L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

[5] Về nghĩa vụ thi hành án: Bà X yêu cầu trả dần 1.000.000 đồng/tháng, xét thấy pháp luật không quy định việc trả dần khi không có sự thỏa thuận của các bên. Nên yêu cầu trả dần của bà X không được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*:* Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Bà X, ông D1 là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Hoàn trả cho bà Mai Thị Ánh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.975.000 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003343 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 91,92, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Điều 12, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Mai Thị Ánh L đối với Bà Nguyễn Thị X, ông Hồ Văn D1 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

2. Buộc Bà Nguyễn Thị X, ông Hồ Văn D1 phải liên đới có nghĩa vụ trả cho Nguyễn Thị Thu ý số tiền 159.000.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu đồng).

Ghi nhận Bà Mai Thị Ánh L không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày Bà Mai Thị Ánh L có đơn yêu cầu thi hành án nếu Bà Nguyễn Thị X, ông Hồ Văn D1 chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị X, ông Hồ Văn D1 được miễn án phí

Hoàn trả cho bà Mai Thị Ánh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.975.000 đồng (Ba triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003343 ngày 03 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Mai Thị Ánh L, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án. Đối với Bà Nguyễn Thị X, ông Hồ Văn D1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm ngày), kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh E (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Lê Thị Thu Hương